

Giữ [-0.4%]

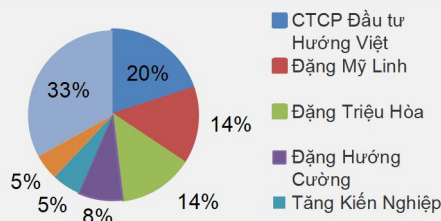
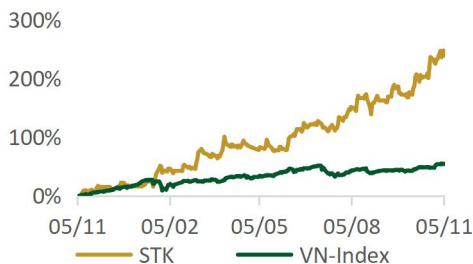
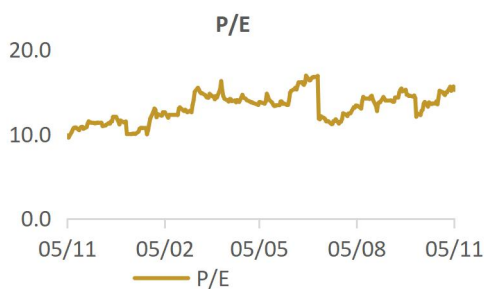
Ngày cập nhật: 09/11/2021

Giá hợp lý 61,500 VNĐ
Giá hiện tại 61,800 VNĐ

PHS

(+82-28) 5 413 5479 – support@phs.vn
Thông tin cổ phiếu

CP đang lưu hành (triệu)	70.7
Free-float (triệu)	27.2
Vốn hóa (tỷ đồng)	4,261
KLGD TB 3 tháng	78,407
Sở hữu nước ngoài	13%
Ngày niêm yết đầu tiên	30/09/2015

Cổ đông lớn

Biến động giá cổ phiếu so với Index

Lịch sử định giá


Nguồn: Fiinpro

Hưởng lợi từ xu hướng thời trang xanh
Cập nhật KQKD trong 9M 2021:

Kết thúc 9 tháng đầu năm 2021, doanh thu thuần của STK đạt 1,545.6 tỷ đồng (+29.2% YoY), hoàn thành 65% kế hoạch năm 2021, trong khi đó, LNST tăng 171% YoY lên 203 tỷ đồng, hoàn thành 82% kế hoạch năm 2021 nhờ giá sợi trung bình tăng 43% YTD.

Sợi tái chế là động lực tăng trưởng doanh thu, chiếm 54% doanh thu thuần 9M 2021, tương đương 833 tỷ đồng (+83% YoY) nhờ định hướng của công ty phát triển sợi tái chế và nhu cầu sử dụng sợi tái chế của các nhãn hàng gia tăng.

Điểm nhấn đầu tư:

Chiến lược phát triển sợi tái chế tạo động lực tăng trưởng dài hạn: Xu hướng các nhãn hàng thời trang lớn đang chuyển dịch sang sản xuất các sản phẩm dệt may thân thiện với môi trường với những tính năng nổi trội đã tạo ra nhu cầu ngày càng cao cho sản phẩm sợi tái chế. Hơn nữa, do biên lợi nhuận mảng sợi nguyên sinh ngày càng thu hẹp, STK có chiến lược giảm tỷ trọng sợi nguyên sinh và tăng tỷ trọng sợi tái chế lên 100% doanh thu vào năm 2025, tạo động lực tăng trưởng cho Công ty.

Dự án liên minh Sợi – Vải – May gia tăng cơ hội hưởng lợi gián tiếp từ CPTPP: STK đã thành lập liên minh từ sợi đến may mặc với đối tác dệt và đối tác may. Đối tác dệt khởi công xây dựng trước vào năm 2020, tiếp theo STK sẽ khởi công xây dựng nhà máy sợi vào năm 2022. CPTPP yêu cầu các công đoạn từ sợi trở đi phải được thực hiện ở các nước thành viên CPTPP. Do đó, để hưởng lợi từ CPTPP, các doanh nghiệp may và dệt nhuộm sẽ ưu tiên sợi sản xuất trong nước. Hơn nữa, với chủ trương phát triển chuỗi cung ứng dệt nhuộm may nội địa của nhà nước, nhu cầu sợi nội địa có tiềm năng gia tăng trong tương lai.

Dự án nhà máy sản xuất sợi tổng hợp Unitex sẽ giúp STK đón đầu xu hướng thời trang xanh. Nhà máy mới tại Tây Ninh với tổng công suất là 60,000 tấn/năm, gấp đôi công suất hiện tại, được chia làm 2 giai đoạn (giai đoạn 1: 36,000 tấn/năm; giai đoạn 2: 24,000 tấn/năm). Nhà máy khởi công xây dựng giai đoạn 1 từ năm 2021. Năm 2023, nhà máy sẽ đưa vào hoạt động giai đoạn 1 và khởi công xây dựng giai đoạn 2. Đến năm 2025 thì hoàn thành giai đoạn 2. Nhà máy tập trung sản xuất sợi tái chế, sợi chất lượng cao, và sợi đặc biệt. Chúng tôi ước tính doanh thu của STK sẽ tăng mạnh khoảng 32.9% trong năm 2023 lên 3,283 tỷ đồng, và đạt tốc độ CAGR là 17.2% trong giai đoạn 2021-2025.

Định giá & khuyến nghị: Dù giãn cách xã hội buộc STK phải giảm công suất sản xuất, nhưng công ty vẫn gặt hái được kết quả kinh doanh tích cực trong năm 2021. Sang năm 2022, chúng tôi cho rằng STK sẽ tiếp tục hưởng lợi từ xu hướng phát triển bền vững ngày càng tăng tốc của ngành dệt may. Chúng tôi ước tính doanh thu thuần của STK trong năm 2022 đạt 2,472 tỷ đồng (+14.9% YoY), trong khi LNST của STK trong năm 2022 đạt 302 tỷ đồng (+7.9% YoY). Bằng phương pháp định giá DCF và EV/EBITDA, mức giá hợp lý cho cổ phiếu STK là **61,500 đồng/cổ phiếu** (-0.4% so với giá hiện tại). Do đó đưa ra khuyến nghị **Giữ** cổ phiếu này.

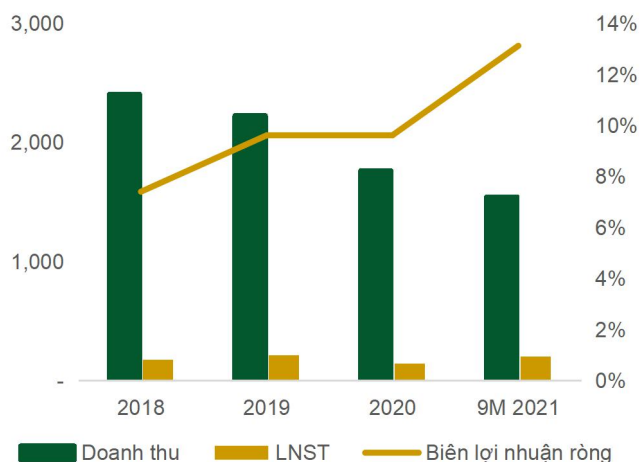
Rủi ro: (1) Rủi ro lớn nhất của STK là rủi ro nguồn nguyên liệu.

Ngoài ra công ty còn có những rủi ro sau: **(2)** Rủi ro về từ dịch Covid-19; **(3)** Rủi ro tỷ giá hối đoái; **(4)** Rủi ro pha loãng.

Chỉ số tài chính	2017A	2018A	2019A	2020A	2021F	2022F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	1,989	2,408	2,229	1,766	2,151	2,472
LNST (tỷ VND)	100	178	214	143	280	302
EPS (VND)	1,662	2,976	3,163	2,028	3,320	3,581
Tăng trưởng EPS (%)	211%	79%	6%	-36%	64%	8%
Giá trị sổ sách (VND)	12,991	15,167	15,314	15,296	16,084	17,988
P/E	9.2	5.0	6.5	8.4	18.5	17.2
P/B	1.2	1.0	1.3	1.1	3.8	3.4
Cổ tức (%)	15%	15%	15%	15%	N/A	N/A

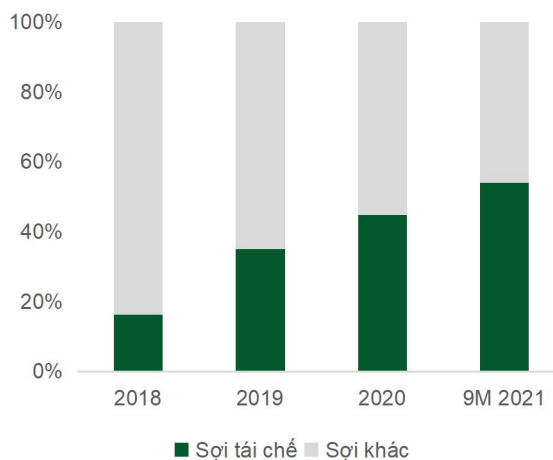
Tình hình kinh doanh của STK trong 9M 2021

Tình hình kinh doanh của STK (tỷ đồng)



Nguồn: STK, PHFM tổng hợp

Cơ cấu doanh thu của STK theo sản phẩm

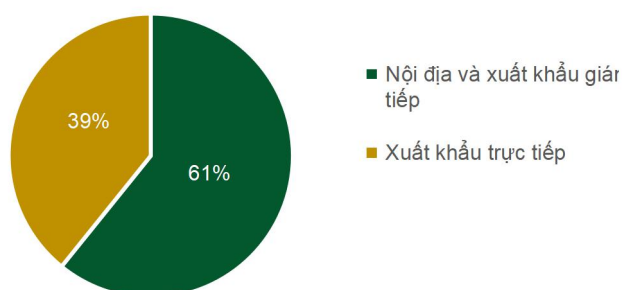


Nguồn: STK, PHFM tổng hợp

Trong Q3/2021, dù duy trì mô hình “3 tại chỗ” theo chính sách phòng chống dịch Covid-19 của Chính phủ và chỉ hoạt động 55% công suất, nhưng kết quả kinh doanh trong Q3/2021 vẫn khả quan so với cùng kỳ và chỉ sụt giảm nhẹ so với quý trước với doanh thu thuần trong Q3/2021 tăng 43% YoY và chỉ giảm 8% Q-o-Q, đạt 468.6 tỷ đồng, trong khi đó LNST trong Q3/2021 chỉ giảm 12% Q-o-Q và tăng 210% YoY lên 62.4 tỷ đồng. Ban lãnh đạo chia sẻ ngoài lượng hàng sản xuất trong kỳ, Công ty còn bán thêm hàng tồn kho nên doanh thu không giảm nhiều so với Q2/2021. Qua đó, kết thúc 9 tháng đầu năm 2021, doanh thu thuần của STK đạt 1,545.6 tỷ đồng (+29.2% YoY), hoàn thành 65% kế hoạch năm 2021, trong khi đó, LNST tăng 171% YoY lên 203 tỷ đồng, hoàn thành 82% kế hoạch năm 2021.

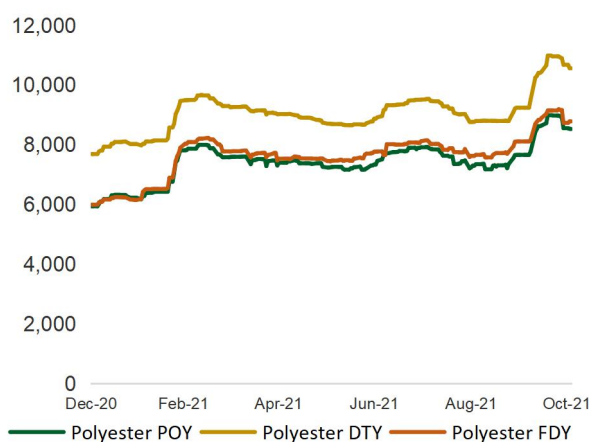
Sợi tái chế là động lực tăng trưởng doanh thu, chiếm 54% doanh thu thuần 9M 2021, tương đương 833 tỷ đồng (+83% YoY) nhờ định hướng của công ty phát triển sợi tái chế và nhu cầu sử dụng sợi tái chế của các nhãn hàng gia tăng. Trong khi sợi nguyên sinh chiếm khoản 46% doanh thu thuần 9M 2021, với doanh thu đạt 712 tỷ đồng (-4% YoY).

Cơ cấu doanh thu của STK theo thị trường



Nguồn: STK, PHFM tổng hợp

Giá sợi trong 9M 2021



Nguồn: Sunsirs, PHFM tổng hợp

Trong 9M 2021, doanh thu bán hàng nội địa và xuất khẩu gián tiếp chiếm 61% doanh thu thuần, tương đương 939 tỷ đồng (+35% YoY), trong khi doanh thu xuất khẩu trực tiếp đạt 606 tỷ đồng (+21% YoY), đóng góp 39% vào doanh thu thuần 9M 2021.

Nhờ gia tăng tỷ trọng sợi tái chế với biên lợi nhuận gộp cao và hưởng lợi từ giá sợi trung bình tăng mạnh 43% YTD trong 9M 2021, mà biên lợi nhuận gộp của STK trong 9M 2021 cải thiện đáng kể, từ 13% trong 9M 2020 lên 19.4% trong 9M 2021. Lãi gộp tăng 92.5% YoY trong 9M 2021 lên 299 tỷ đồng. Qua đó, đưa LNST tăng trưởng ấn tượng 171% YoY trong 9M 2021.

Dự phóng kết quả kinh doanh 2022

Chúng tôi ước tính doanh thu thuần của STK trong năm 2022 đạt 2,472 tỷ đồng (+14.9% YoY), trong khi LNST của STK trong năm 2022 đạt 302 tỷ đồng (+7.9% YoY) nhờ:

1) Chiến lược phát triển sợi tái chế là bộ phận tăng trưởng trong năm 2022 nhờ:

- a) Dịch Covid-19 đã đẩy nhanh xu hướng thời trang xanh khi sau đại dịch người tiêu dùng ngày càng ưa chuộng các sản phẩm làm từ vật liệu tái chế có đặc tính thoải mái, bảo vệ sức khỏe và các nhãn hàng dần tăng tốc các cam kết sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường. CEO của Unifi cho biết các từ khóa như REPREEVE (sản phẩm sợi của Unifi, đã nhượng quyền cho STK phân phối) và các đối tác của công ty đã được gia tăng tìm kiếm 60% trong năm 2021 so với năm trước. Quy mô thị trường sợi tái chế được dự báo sẽ đạt 5 tỷ USD vào năm 2025, với CAGR đạt 6.5% trong giai đoạn 2020-2025. Hơn nữa, xu hướng xanh còn diễn ra tại nhiều phân khúc khác của ngành dệt may như ô tô, nội thất sẽ tạo động lực tăng trưởng cho STK trong năm 2022.
- b) Các hội nghị về biến đổi khí hậu và nỗ lực của Chính phủ các nước ngày càng đóng vai trò gia tăng nhận thức và đặt ra các biện pháp hướng đến sản xuất và phát triển bền vững. Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP 26) khai mạc ngày 31/10/2021 hứa hẹn tăng tốc thực hiện cam kết toàn cầu về giảm khí thải, bảo vệ môi trường, và những hỗ trợ tài chính khí hậu của các nước phát triển cho các nước đang phát triển.

Năm 2022, chúng tôi ước tính STK sẽ tăng tỷ trọng sợi tái chế lên 64.3% tổng doanh thu, tương đương 1,590 tỷ đồng (+64.3% YoY).

- 2) Các bất ổn gần đây về thiếu điện sản xuất tại Trung Quốc đã góp phần đẩy nhanh xu hướng dịch chuyển nguồn cung ứng dệt may và nguyên liệu dệt may ra khỏi Trung Quốc và Việt Nam là điểm đến mà nhiều nhãn hàng cân nhắc.
- 3) Từ ngày 26/05/2021, Bộ Thương Mại Mỹ đã tiến hành áp thuế chống bán phá giá sơ bộ thấp cho STK (2.58% so với mức thuế của các doanh nghiệp Việt Nam khác là 22.36%), tạo cơ hội cho công ty phát triển thêm nhiều khách hàng tại Mỹ trong lĩnh vực ô tô và nội thất với yêu cầu cao về chất lượng.
- 4) Hiệp định thương mại như CPTPP và EVFTA sẽ tiếp tục là động lực cho ngành dệt may trong năm 2022.

Trong dài hạn, chúng tôi cho rằng STK còn hưởng lợi từ những động lực tăng trưởng sau:

- 1) Dự án nhà máy sản xuất sợi tổng hợp Unitex sẽ giúp STK đón đầu xu hướng thời trang xanh thân thiện với môi trường. Nhà máy với công suất 60,000 tấn/năm sẽ làm động lực tăng trưởng doanh thu cho STK trong tương lai. Chúng tôi ước tính doanh thu của STK sẽ tăng mạnh khoảng 36.1% trong năm 2023 lên 3,363 tỷ đồng, và đạt tốc độ CAGR là 17.9% trong giai đoạn 2021-2025.
- 2) Dự án liên minh Sợi-Vải-May gia tăng cơ hội hưởng lợi gián tiếp từ CPTPP. Dự án liên minh sợi-vải-may mặc với vốn đầu tư 300 tỷ đồng sẽ góp phần gắn kết STK với chuỗi cung ứng dệt may toàn cầu, ổn định đầu ra cho STK trong tương lai.

Chi tiết định giá và khuyến nghị:

Dù việc thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội trong Q3 2021 buộc STK phải giảm công suất sản xuất, nhưng công ty vẫn gặt hái được kết quả kinh doanh tích cực trong năm 2021. Sang năm 2022, chúng tôi cho rằng STK sẽ tiếp tục hưởng lợi từ xu hướng phát triển bền vững ngày càng tăng tốc của ngành dệt may. Bằng phương pháp định giá DCF và EV/EBITDA, chúng tôi nâng mức giá hợp lý dành cho cổ phiếu STK lên **61,500 đồng/cổ phiếu** (-0.4% so với giá hiện tại). Do đó đưa ra khuyến nghị **GIỮ** cho cổ phiếu này.

Phương pháp DCF

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2022F	2023F	2024F	2025F	2026F
Lợi nhuận trước lãi vay và thuế (EBIT)	353	464	511	554	591
Lợi nhuận hoạt động ròng sau thuế	310	407	449	487	519
Khấu hao	152	164	177	181	195
WC	(141)	(149)	(156)	(158)	(159)
CAPEX	(136)	(181)	(202)	(203)	(204)
FCFF	185	241	268	307	351
Giá trị hiện tại của FCFF (WACC 9.2%)	169	202	206	216	226
Giá trị hiện tại của cuối cùng (3.0% g)	3,772				
Nợ ròng	(99)				
Giá trị vốn cổ phần	4,694				
SLCP	70,726,944				
Giá cổ phiếu trước chiết khấu	66,366				
Chiết khấu rủi ro nguồn nguyên liệu	10%				
Giá hợp lý (VNĐ/CP)	59,729				

2022 EBITDA (tỷ đồng)	505
EV/EBITDA ngành	9.8x
EV (tỷ đồng)	4,969
Nợ ròng (tỷ đồng)	(99)
Giá trị vốn cổ phần (tỷ đồng)	4,870
SLCP	70,726,944
Giá hợp lý (VNĐ/CP)	68,856

	DCF	EV/EBITDA	Giá hợp lý
Giá hợp lý (VNĐ/CP)	59,729	68,856	61,500 VNĐ/CP
Tỷ trọng	80%	20%	

Phương pháp EV/EBITDA

Rủi ro:

(1) Rủi ro nguồn nguyên liệu

Là doanh nghiệp xuất khẩu nhưng STK phải nhập khẩu phần lớn nguyên liệu. STK cũng cho biết Công ty chỉ mua nguyên nguyên liệu trước 1 tháng cho kế hoạch đơn hàng tháng sau. Hơn nữa, do 100% nguồn hạt chip tái chế để sản xuất sợi tái chế đều phụ thuộc vào Unifi, sẽ hạn chế khả năng thương lượng giá của STK, khiến Công ty khó chủ động biên lợi nhuận trong mảng sợi tái chế.

(2) Rủi ro từ dịch Covid-19

Trong năm 2021, tuy tâm lý người tiêu dùng đã ổn định nhưng nguy cơ dịch Covid-19 bùng phát lại có thể ảnh hưởng đến nhu cầu tại thị trường xuất khẩu, làm gián đoạn chuỗi cung ứng và trì trệ hoạt động xuất nhập khẩu.

(3) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Với hơn 43% doanh thu là xuất khẩu, STK đối mặt với rủi ro biến động tỷ giá hối đoái, chủ yếu là KRW, JPY, BAHT tại các thị trường xuất khẩu chính là Hàn Quốc, Nhật Bản, và Thái Lan.

(4) Rủi ro pha loãng

STK phát hành ra công chúng thêm 13.6 triệu cổ phiếu để phục vụ cho dự án nhà máy sợi tổng hợp Unitex. Việc phát hành sẽ gia tăng số cổ phiếu lưu hành và tạo nên sự pha loãng.

Sơ lược công ty

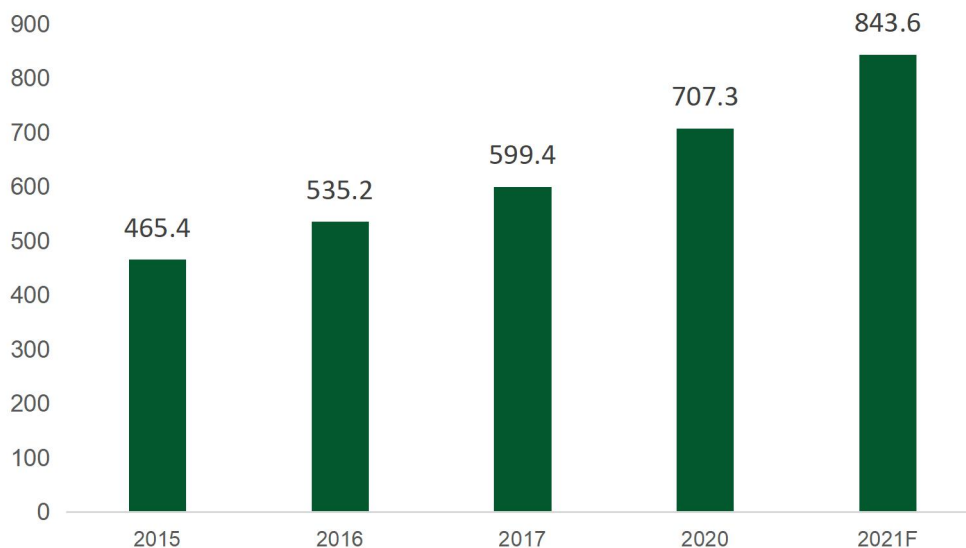
Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ được thành lập năm 2000. Hoạt động sản xuất chính của công ty là sản xuất sợi tơ tổng hợp, dệt kim. Công ty hiện đang cung cấp các sản phẩm: sợi POY, sợi DTY và sợi FDY. Sản phẩm của công ty được xuất khẩu chủ yếu sang châu Âu (Thổ Nhĩ Kỳ) và châu Á. Công ty cũng là nhà cung cấp cho các doanh nghiệp dệt may như Nike, Adidas, Uniqlo và Puma. Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ năm 2004. Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh năm 2015.

2004: Công ty tiến hành cổ phần hóa và chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với số vốn điều lệ ban đầu là 50 tỷ đồng.

2015: Cổ phiếu của công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE).



Quá trình tăng vốn (tỷ VNĐ)



Nguồn: STK, PHFM tổng hợp

Báo cáo tài chính (tỷ VNĐ)

Kết quả kinh doanh	2016A	2017A	2018A	2019A	2020A	2021E	2022E
Doanh thu thuần	1,358	1,989	2,408	2,229	1,766	2,151	2,472
Giá vốn hàng bán	(1,230)	(1,772)	(2,073)	(1,875)	(1,510)	(1,742)	(2,017)
Lợi nhuận gộp	129	217	335	354	255	409	455
Chi phí bán hàng	(25)	(32)	(34)	(27)	(24)	(30)	(34)
Chi phí QLDN	(45)	(59)	(56)	(58)	(57)	(59)	(67)
Lợi nhuận từ HĐKD	58	126	245	269	174	321	353
Lợi nhuận tài chính	(29)	(22)	(42)	(21)	(11)	3	(11)
Chi phí lãi vay	(16)	(27)	(29)	(31)	(17)	(8)	(20)
Lợi nhuận trước thuế	31	105	199	253	163	325	344
Lợi nhuận sau thuế	29	100	178	214	143	280	302
LNST của cổ đông Công ty mẹ	29	100	178	214	143	280	302
Cân đối kế toán	2016A	2017A	2018A	2019A	2020A	2021E	2022E
Tài Sản Ngắn Hạn	594	613	804	880	634	1,038	1,254
Tiền và tương đương tiền	87	117	153	150	95	331	380
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	45	80	26	77	89
Phải thu ngắn hạn	85	63	65	98	98	119	145
Hàng tồn kho	402	399	510	525	401	493	620
Tài sản ngắn hạn khác	20	34	31	26	14	17	20
Tài Sản Dài Hạn	1,431	1,365	1,315	1,192	1,070	1,130	1,214
Phải thu dài hạn	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản cố định	1,350	1,208	1,179	1,048	914	925	1,006
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí xây dựng dở dang	1	2	2	1	1	46	46
Đầu tư tài chính dài hạn	40	27	2	2	19	23	26
Tài sản dài hạn khác	40	129	133	141	137	137	137
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng tài sản	2,025	1,979	2,119	2,071	1,703	2,168	2,468
Nợ phải trả	1,329	1,200	1,210	988	621	811	951
Nợ ngắn hạn	678	732	862	824	569	759	899
Nợ dài hạn	652	468	348	164	52	52	52
Vốn chủ sở hữu	695	779	909	1,083	1,082	1,357	1,518
Vốn góp	535	599	599	707	707	844	844
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nguồn vốn	2,025	1,979	2,119	2,071	1,703	2,168	2,468

Lưu chuyển tiền tệ	2016A	2017A	2018A	2019E	2020A	2021E	2022E
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	202	306	248	171	171	314	313
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư	(296)	(27)	(113)	(35)	(35)	(86)	(136)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Tài chính	173	(249)	(99)	(139)	(139)	(47)	(128)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	80	30	36	(3)	(3)	181	49
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	7	87	117	153	153	150	331
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	87	117	153	150	150	331	380
Chỉ số tài chính	2016A	2017A	2018A	2019E	2020A	2021E	2022E
Tăng trưởng (%)							
Doanh thu	31.2%	46.4%	21.0%	-7.4%	-20.8%	21.8%	14.9%
Lợi nhuận sau thuế	-59.9%	248.3%	79.0%	20.2%	-33.1%	95.3%	7.9%
Tổng tài sản	17.8%	-2.3%	7.1%	-2.3%	-17.8%	27.3%	13.9%
Tổng vốn chủ sở hữu	0.8%	12.0%	16.7%	19.1%	-0.1%	25.4%	11.8%
Khả năng sinh lời (%)							
Tỷ suất lãi gộp	9.5%	10.9%	13.9%	15.9%	14.5%	19.0%	18.4%
Tỷ suất EBIT	4.3%	6.3%	10.2%	12.1%	9.9%	14.9%	14.3%
Tỷ suất lãi ròng	2.1%	5.0%	7.4%	9.6%	8.1%	13.0%	12.2%
ROA	1.4%	5.0%	8.4%	10.4%	8.4%	12.9%	12.2%
ROE	4.1%	12.8%	19.6%	19.8%	13.3%	20.6%	19.9%
Hiệu quả hoạt động							
Số ngày phải thu	22	11	10	16	20	20	21
Số ngày tồn kho	118	82	94	104	101	108	117
Số ngày phải trả	71	63	54	44	67	44	40
Khả năng thanh toán							
Tỷ suất thanh toán hiện thời	0.88	0.84	0.93	1.07	1.11	1.37	1.40
Tỷ suất thanh toán nhanh	0.28	0.29	0.34	0.43	0.41	0.72	0.71
Cấu trúc tài chính							
Tổng nợ/Tổng tài sản	0.66	0.61	0.57	0.48	0.36	0.37	0.39
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	1.91	1.54	1.33	0.91	0.57	0.60	0.63
Vay ngắn hạn/VCSH	0.97	0.94	0.95	0.76	0.53	0.56	0.59
Vay dài hạn/VCSH	0.94	0.60	0.38	0.15	0.05	0.04	0.03

Nguồn: PHFM

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Nguyễn Thị Thảo Vy, Chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng/Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của báo cáo. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Customer Service: (+84-28) 5 411 8855

Call Center: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi,

Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, Số 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (+84-24) 3 933 4820

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801